

## NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG "XÃ THƯƠNG PHÁP" CỦA CHU HY VÀ VAI TRÒ ĐẢM BẢO XÃ HỘI CỦA NÓ

TRƯƠNG PHẨM ĐOAN(\*)

*Chế độ lấy vật chất hiện thực để đảm bảo xã hội có lịch sử lâu đời ở Trung Quốc cổ đại, trong số đó được tôn sùng là "Xã thương pháp" của Chu Tử. Nội dung cơ bản của nó là: thứ nhất, xã thương thiết lập ở hương lý, quan đốc dân làm; thứ hai, cho vay mượn để thu lợi tức, tự hành tích lũy của cải, tài sản; thứ ba, tác dụng của xã thương pháp đối với những năm mất mùa là cứu tế, những năm không mất mùa là giúp đỡ người nghèo, đảm bảo sức sản xuất, tái sản xuất. Thực thi xã thương pháp không chỉ giảm gánh nặng kinh tế cho triều đình, mà còn làm thay đổi quan điểm của triều đình đối với người dân gặp thiên tai. Ngoài ra, xã thương pháp còn có tác dụng giáo dục nông dân về ý thức tự đảm bảo cuộc sống và duy trì sự ổn định của xã hội.*

Vào năm 1171, tại xã Khai Diệu, thôn Ngũ Phu, Sùng An, Phúc Kiến (nay là thành phố Vũ Di Sơn), Chu Hy đã sáng tạo ra "Ngũ Phu xã thương". Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn, ông còn đặt ra "Xã thương sự mục". Vào đời Thuần Hy năm thứ 8 (1181), ông đã dâng trình Nam Tống Lý Tông hoàng đế phê chuẩn "Hành hạ chư lộ châu quân"(1). Sau đó, "xã thương pháp" đã trở thành phương thức chủ yếu của việc cứu tế xã hội và tích trữ lương thực để phòng mất mùa ở nông thôn. Xã thương pháp của Chu Hy (người sau gộp "xã thương sự mục" với phương pháp quản lý kinh doanh "Ngũ Phu xã thương" và gọi chung là "xã thương pháp Chu Tử") trở thành một hình thức lấy "thực vật" (vật chất hiện thực - ND) để thực hành việc đảm bảo xã hội. Xã thương pháp của Chu Hy đã có tác dụng hết sức quan trọng trong việc đảm bảo xã hội Trung Quốc cổ đại, được người sau tôn vinh là "tiên Nho kinh tế thịnh tích" (tạm dịch: dấu tích kinh tế hưng thịnh của tiên Nho - ND). Hiện nay, nghiên cứu xã thương pháp của Chu Hy (sau đây gọi tắt là xã thương pháp) vẫn là một việc làm có ý nghĩa cần thiết.

### 1. Nguyên nhân ra đời của xã thương pháp và sự phát triển của nó

Thời Nam Tống, đời Lý Tông năm thứ 4 (1167), khu vực Mân Bắc của Phúc Kiến có trận lụt to, khi đó Chu Hy đang ở huyện Sùng An, Khai Diệu hương, Ngũ Phu thôn. Ông "xuất phát từ trận lụt ở Sùng An, thảo hịch trình quan huyện để đề nghị cứu trợ"(2). Sau khi đi thị sát tình hình lũ lụt, ông dâng sớ phản ánh tình trạng thiên tai, đồng thời cảm thán nói: "Nay những kẻ no đủ, thờ ơ với nỗi khổ của dân"(3). Để giải quyết thiên tai, Chu Hy đã kêu gọi những gia đình có tấm lòng từ thiện hãy dành ra những khoản lương thực dư thừa, dựa vào giá thông thường để bán cho người dân bị thiên tai; đồng thời ông còn viết thư cho quan tri phủ huyện Kiến Ninh để kêu gọi mở kho dự trữ lương thảo cứu tế cho nhân dân, làm lợi cho sản xuất. Tri phủ huyện Kiến Ninh sau khi nhận được thư, liền

(\*) Phó giáo sư, Phòng Nghiên cứu khoa học, Học viện Vũ Di.

(1) Chu Hy. *Chu tử toàn tập*. t.25. Nxb Cổ tịch Thượng Hải, Nxb Giáo dục An Huy, 2002, tr.4601.

(2) Chu Hy. *Sdd.*, t.22, tr.1963.

(3) Chu Hy. *Sdd.*, t.22, tr.1963.

lệnh cho tri huyện Sùng An đưa thuyền vận chuyển 600斛 lúa đến bến Hưng Diển huyện Sùng An. Chu Hy dẫn người dân không quản đêm tối chuyển lúa về Khai Diêu hương phát cho mọi người, do đó tình hình thiên tai dần được giải quyết, “người dân thoát khỏi cảnh chết đói, hết sức mừng vui”(4). Đến cuối năm, người dân được mùa bội thu, liền chọn lựa lương thực tốt mang đến kho huyện hoàn trả. Tri phủ Kiến Ninh mới về nhận chức, khi chứng kiến cảnh này đã hết sức vui mừng. Năm sau, Chu Hy lại viết thư cho tri phủ mới của Kiến Ninh đề nghị: “Lương thực tích trữ ở nhà dân, không tiện lợi cho việc trông coi, thu nạp, đề nghị áp dụng theo phương pháp trước đây, lấy xã thương để làm nơi tích trữ...”(5). Sau đó, Tri phủ Kiến Ninh đã bỏ tiền ra xây kho. Mùa thu năm 1171, kho trữ lương ở Ngũ Phu đã hoàn thành, mang lại cái lợi lớn cho dân.

Sau khi Chu Hy xúc tiến việc xây kho ở Ngũ Phu; Kiến Dương, Quang Trạch, Kiến Ninh, Thuận Xương, v.v. của huyện Mân Bắc cũng tiến hành xây dựng xã thương. Không lâu sau đó, Mân Bắc đã có hơn 100 xã thương, việc xây dựng xã thương ở thời gian này phát triển cực thịnh. Về sau, xã thương không ngừng mở rộng ra các nơi khác. Thời Nam Tống, đời Thuần Hy năm thứ 2 (1175), cha của Lữ Tổ Khiêm, một nhà nho lớn ở Triết Đông đến diện kiến Chu Hy, khi đến Ngũ Phu, tận mắt chứng kiến ưu điểm của xã thương, khi quay về lập tức bắt tay xây dựng xã thương. Tiếp theo, đến lượt Giang Tô, Giang Tây xây dựng xã thương. Từ thời Nam Tống, đời Thuần Hy thứ 8 (1181) trở về sau, do sự thúc đẩy của Chu Hy và Lý Tông, xã thương lan rộng trong toàn quốc, đồng thời trở thành hình thức chủ yếu tích trữ lương thực để đề phòng thiên tai, mất mùa ở nông thôn.

Ở đây, cần nói rõ một điểm, xây dựng xã thương hoàn toàn không phải do Chu Hy là người đầu tiên đưa ra. Ngay ở đời Tống, theo ghi chép: “Xã thương xây dựng ở thời Bắc Tống năm Nhân Tông thứ nhất (1041)... xây dựng xã thương ở châu huyện”(6). Nhưng việc xây dựng xã thương ở xã thôn thì Chu Hy là người đầu tiên. Lý Tâm Truyền đời Tống nói: “Chu Nguyên Hối tiên sinh xây dựng ở xã thôn, mỗi năm cho dân vay, cuối năm thu lại, nay nếu xây dựng xã thương ở xã thôn, giúp cho người dân được thuận lợi, đó chính là hợp với ý của tiên sinh”(7). Minh Gia Cảnh trong “Kiến Ninh phủ chí” cũng ghi: “Xã thương không do quan lại nắm giữ, nó nguyên là của người dân xã thôn, những người dân mất mùa đói kém cầu sự no đủ mà không muốn phạm pháp, liền hợp lực, mua ruộng tích trữ lương thực, lập ra xã thương”.

Ưu điểm của xã thương, cổ nhân đã có sự khẳng định. Đồng Hoa Minh đời Minh trong “Khang tế lục” viết: “Tích trữ những sản phẩm của xã thôn ngay tại xã thôn,... thì thôn thôn đều có tích trữ, không sợ thiếu đói”.

Tháng 11 năm Thuần Hy thứ 8 (1181), Chu Hy dâng trình Lý Tông hoàng đế thực thi “xã thương sự mục”. Tháng 12 cùng năm, Lý Tông hoàng đế chuẩn y ban hành “xã thương sự mục” của Chu Hy ở các châu phủ.

## 2. Nội dung cơ bản của xã thương pháp

Nội dung xã thương pháp của Chu Tử gồm có 4 điểm:

*Thứ nhất*, xã thương thiết lập ở xã thôn, quan đốc dân làm. Xã thương phân bố ở xã thôn có thể kịp thời cứu tế người dân khi gặp nạn, thuận tiện cho dân, khắc phục

(4) Chu Hy. *Sđđ.*, t.24, tr.3720.

(5) Chu Hy. *Sđđ.*, t.22, tr.3721.

(6) Lý Tâm Truyền. Kiến Viêm dĩ lai triều dã tạp ký, quyển thượng, Trung Hoa thư cục, 2000, tr.316.

(7) Lý Tâm Truyền. *Sđđ.*, tr.317.

những hạn chế của xã thương thông thường. Chu Hy trong “Kiến Ninh phủ, Sùng An huyện, Ngũ Phu xã thương ký” đã chỉ rõ: “... xã thương theo quan điểm trước đây, đều đặt ở châu huyện, có thể mang lại ích lợi chỉ là ở thị thành, còn đối với những nơi “thâm sơn cùng cốc”, có cố gắng mang đến cho người dân, thì có khi người dân chết đói cũng không đến kịp, lại thêm cách làm nghiêm ngặt, cho vay khó khăn, thường xuyên đóng kín, thậm chí tích lũy 10 năm, đến khi đem ra sử dụng thì không thể dùng được nữa” (8). Xã thương có thể tránh được sự phát sinh của các vấn đề trên. Xã thương dân làm, tuy có những ưu điểm, song không thể tách khỏi sự giám sát và trợ giúp của quan phủ. “Xã thương sự mục” quy định: *một là*, việc cho vay, thu hồi lương thảo trong kho, đầu tiên cần phải báo cáo châu huyện phê chuẩn; *hai là*, khi cho vay và thu hồi, huyện phủ cần cử “quan thanh liêm” đến hiện trường giám sát, đồng thời mang theo sổ sách, dụng cụ đo lường, dùng đấu quan phủ để làm tiêu chuẩn; *ba là*, công việc thu xuất xong xuôi, người phụ trách xã thương cần sổ sách, ghi chép đến châu huyện báo cáo; *bốn là*, trong quá trình cho vay, nếu có vấn đề gì, cần lập tức báo cáo để quan phủ xem xét, giải quyết. Mục đích của những quy định trên là: *thứ nhất*, làm cho châu huyện nắm được tình hình xã thương cũng như tình hình cứu tế để dễ bề điều chỉnh; *thứ hai*, để ngăn chặn, phòng ngừa các hiện tượng tham ô, gian dối phát sinh. Tất cả những điều đó đã nói lên xã thương chứa đựng một cách rõ nét đặc điểm “quan đốc dân làm”.

*Thứ hai*, xã thương pháp quy định cho vay thu lãi, tự tiến hành tích lũy tiền, tài sản. Việc tích trữ lương thảo kho quan, trong lịch sử đa phần áp dụng biện pháp thu thuế. Việc thu thuế, bất luận là áp dụng theo mẫu ruộng hay theo hộ, v.v. đều xâm hại đến lợi ích của địa chủ quan liêu,

luôn gặp phải sự chống đối của họ. Ngoài ra, lương thực trong kho thường bị quan phủ chuyển sang việc khác, danh không phù hợp với thực. “Xã thương sự mục” quy định biện pháp cho vay thu lãi như sau: “Mỗi thạch thu lãi hai đấu”, “hoặc là khoản vay nhỏ, thì miễn lãi một nửa; còn khi nạn đói xảy ra thì miễn hoàn toàn”. Đến khi có lãi nhiều thì “càng không lấy lãi, mỗi thạch chỉ thu 3 thăng” (9). Khi mùa giáp hạt, thì thu lãi mỗi thạch 3 đấu, lãi này không phải là thấp, cũng khá là ưu đãi. Quy định như vậy về lãi suất chủ yếu nhằm không ngừng tăng lượng tích trữ lương thực, lấy nhiều bù đắp thiếu, đạt được mục tiêu cứu trợ thiên tai. Chu Hy áp dụng biện pháp cho vay lấy lãi, mỗi năm tích lũy nhiều hơn để xây dựng và phát triển xã hội, kết quả thu được rất tốt.

*Thứ ba*, lương thảo trong kho dùng cho cứu chẩn trong những năm thiên tai, giúp đỡ người nghèo những năm không mất mùa. Những kho lương thảo thông thường dùng cho cứu chẩn, bình thường không mở cửa, thậm chí để lương thực hư hỏng cũng không cho vay. Xã thương của Chu Hy thì không phải như vậy, ông quy định trong “xã thương sự mục” như sau: “Những năm không mất mùa, nếu như dân muốn vay thì cũng mở hai kho, giữ lại một kho. Nếu gặp cảnh đói kém thì mở cả 3 kho, đối với những người dân ở nơi hẻo lánh heo hút thì việc cho vay có mùa vụ” (10). Quan điểm chủ đạo là: Bất luận năm được mùa hay mất mùa đều cho vay, năm bình thường cho vay thu lãi, năm mất mùa thì giảm lãi, miễn lãi. Năm mất mùa dùng để đảm bảo cuộc sống của người dân đói kém, đảm bảo sản xuất; năm bình thường thì cho vay, giúp đỡ những nông dân cấy trồng ở những nơi “thâm sơn cùng cốc”, giải quyết cho nông

(8) Chu Hy. *Chu tử toàn tập*. Sđd., t.24, tr.3721.

(9) Chu Hy. *Sđd.*, tr.4601.

(10) Chu Hy. *Sđd.*, tr.4597.

dân những khó khăn trong kỳ giáp hạt. Cách làm như vậy có thể biến “lúa chết” thành “lúa sống”, phát huy tác dụng trợ giúp sản xuất, tăng cường tác dụng phòng chống thiên tai, lại vừa tránh cho nông dân nghèo khổ tránh được phải trả lãi suất cao. Đồng thời, lại giúp cho kho lương thực hàng năm luôn được đổi mới, không bị ảm mốc, hư hỏng.

*Thứ tư*, xã thương dựa vào quan xã, sĩ nhân quản lý. Trong xã hội phong kiến, “trị nhân không trị pháp”, những quy định nói chung của xã hội không đủ sức mạnh cần thiết, mấu chốt là ở chỗ người chấp hành các quy định đó. Nếu là người không đủ thanh liêm công chính và lòng nhiệt tình với công việc chung, lợi ích chung thì dù có xã thương pháp tốt cũng không thể phát huy tác dụng. Nhằm giải quyết vấn đề quản lý xã thương, Chu Hy đã đề ra chủ trương “xuất đẳng nhân hộ” có nghĩa là quan xã, sĩ nhân (còn gọi là cử tử, cử nhân) hoặc những người từ quan.

Theo Chu Hy, dựa vào quan xã, sĩ nhân để quản lý xã thương là tương đối thuận tuý để dựa vào người đứng đầu, đảm bảo cho lợi ích dài lâu, hạn chế những rủi ro. Từ góc độ chính trị, Tống Nho tôn sùng Lý học, đa số người đều có tư tưởng lo lắng cho đất nước, lo lắng cho dân; từ góc độ tu dưỡng đạo đức mà nói, sĩ đại phu đời Tống lấy việc “giảng đạo đức, bàn nhân nghĩa” làm tấm gương noi theo, họ đều muốn có tiếng tốt là “có nghĩa hành”, lại thêm gia đình họ khá giả, sẽ không nhân cơ hội làm quản lý xã thương mà tự tư tự lợi, tham cái lợi nhỏ. Ngoài ra, những huyện quan, sĩ nhân ở địa phương đều có danh tiếng nhất định, có sức kêu gọi, quy tụ nhất định. Đồng thời, giữa họ và quan phủ địa phương cũng có sự liên hệ nhất định, do đó thuận tiện cho công việc,...

Ngoài ra, một vấn đề khó khăn khác của việc quản lý kinh doanh là cho vay thì dễ

nhưng thu hồi thì khó: “Tiền vào tay dân, cho dù dân nghèo cũng không được lạm dùng; khi muốn thu về, ngay cả người giàu cũng không tránh khỏi quá hạn”. Nhằm giải quyết vấn đề này, “xã thương sự mục” quy định: Vay lương thực từ xã thương tất yếu phải có sự đảm bảo, không có người đảm bảo thì không được vay; hộ vay nếu như không trả hoặc đã chết thì do người đảm bảo chịu trách nhiệm. Những quy định này có tác dụng thúc người vay tự giác trả, giám sát, nhắc nhở lẫn nhau, cùng chịu trách nhiệm, giúp cho số lương thực cho vay có thể được trả kịp thời, đủ cơ số, không dẫn đến tình trạng “kho trống rỗng, khó có thể tiếp tục”.

### 3. Tác dụng đảm bảo xã hội của xã thương pháp

Việc lấy vật chất hiện thực làm trọng tâm trong chế độ đảm bảo xã hội đã có lịch sử lâu đời ở Trung Quốc cổ đại, trong số đó được tôn sùng nhiều nhất là “xã thương pháp của Chu Tử”. Nó biểu hiện một cách đầy đủ tư tưởng đảm bảo xã hội của Chu Hy. “Xã thương pháp của Chu Tử” quy định hàng năm cho vay thu lãi, không ngừng tích lũy. Hình thức làm cho lợi tức lương thực không ngừng phát triển, năm mất mùa thì cứu chần người dân hoạn nạn, giúp đảm bảo sức sản xuất, tiến hành tái sản xuất có địa vị cực kỳ quan trọng trong lịch sử cứu tế của Trung Quốc. Nhưng cũng giống như bất kỳ một sự vật nào khác, xã thương pháp của Chu Tử cũng gặp phải sự phản đối của thế lực thủ cựu, lý do là cho vay thu lợi, đánh mất ý nghĩa trung hậu chân thành đối với nhân dân. Chu Hy không câu nệ vào quan điểm nghĩa lợi của Nho giáo truyền thống. Ông cho rằng, nếu hàng năm không cho vay nhằm sinh lợi, thì không thể tích lũy lương thảo trong kho, nói sao đến việc cứu dân bị thiên tai được. Đồng thời, hàng năm không cho vay sẽ dẫn

đến “lương thảo sớm bị hư hỏng”(11). Chu Hy thông qua việc cho vay thu lãi nhằm tăng lương thực trong kho, tích lũy của cải dồi dào, tăng cường năng lực phòng ngừa, tự cứu khi thiên tai. Từ phương diện khác, việc tích lũy lương thảo thông qua cho vay thu lãi để trợ giúp cho những người tàn tật, người già, trẻ em, người cô đơn không nơi nương tựa, v.v. đã phát huy tác dụng trợ giúp người nghèo. Trong “Thiệu Vũ Quân Quang Trạch huyện xã thương ký”, Chu Hy viết: Trong khu vực thôn thị phủ, dân không trộm cắp, mỗi mùa giáp hạt, mua lương thực đắt mà ăn thì rất kham khổ. Lại còn những người ốm đau bệnh tật, những người phải phiêu bạt, không nơi quay về có khi chết bên đường...”. Tư tưởng cứu trợ thiên tai, trợ giúp người nghèo là rất đáng quý, thực tiễn chứng minh là có thể áp dụng.

Việc thực thi xã thương pháp không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng tài chính của triều đình phong kiến, mà còn thay đổi cách suy nghĩ của những người dân bị thiên tai chỉ biết trông chờ vào sự trợ giúp của triều đình, có tác dụng bồi dưỡng ý thức tự đảm bảo cho mình của nông dân. Không những thế, nó còn tìm thấy hình thức sử dụng sức mạnh của nhân dân, tìm ra biện pháp mang tính chất hỗ trợ trong trường hợp thiên tai. Xã Khai Diệu đã thực hành xã thương pháp hơn 10 năm, ngoài việc xây dựng 3 kho và số lương thảo thu về, vẫn còn dư 3100 thạch lương thực. Khi đó, xã Khai Diệu có khoảng hơn 2000 người, trong khi còn dư hơn 3000 thạch lương thực, như thế được xem là cao so với tiêu chuẩn chung. Chu Hy, trong “Thường châu Nghị Hưng huyện xã thương ký”, đã viết: ...gần 30 năm sau, ở xã Khai Diệu, xã thương Ngũ Phu có số dự trữ 5000 hộc lương thực. Như thế đã đủ để nói rằng, xã thương Ngũ Phu Khai Diệu đã vượt qua phạm vi quy định thông thường, tiến trước

một bước trong quá trình **đảm bảo xã hội**, đó là một sự phát triển mới trong chế độ đảm bảo xã hội thời cổ đại Trung Quốc.

Chu Hy sáng lập xã thương pháp, tích cực thúc đẩy xã thương pháp nhằm mục đích phát huy tác dụng ổn định xã hội của nó. Bản thân Chu Hy là một sĩ đại phu của xã hội phong kiến, do đó có tư tưởng lo cho dân cho nước. Ông vì lợi ích và sự tồn tại lâu dài của nhà Tống. Theo thống kê, lưỡng Tống kéo dài hơn 300 năm, tổng cộng có hơn 4 vạn sự kiện lớn nhỏ ảnh hưởng đến cuộc sống nông dân. Thuần Hy năm thứ 8 (1181), Chu Hy thức tỉnh Lý Tông hoàng đế: “Thần đang lo sợ không chỉ là người chết đói, mà còn nạn đạo tặc; lo kẻ bị hại không chỉ là quan lại, mà còn cả quốc gia”(12). Chu Hy muốn thông qua việc toàn quốc phổ biến, xúc tiến xã thương pháp để đạt được tác dụng cứu nạn giúp nghèo, làm cho đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân an cư, lập nghiệp. Đương nhiên, tư tưởng này của Chu Hy, trong xã hội phong kiến chuyên chế, chỉ có thể phát huy vai trò tích cực trong một giai đoạn nhất định, không thể giải quyết một cách căn bản vấn đề ổn định xã hội.

Tựu trung lại, tư tưởng đảm bảo xã hội của Chu Hy là thông qua việc thực hiện xã thương pháp. “Xã thương pháp” này được xây dựng dựa trên cơ sở không ngừng tổng kết kinh nghiệm xây dựng xã thương, đồng thời tiếp thu những thành quả hữu ích của tư tưởng đảm bảo xã hội thời cổ đại, vừa có kế thừa, vừa có sáng tạo, trong đó có không ít những kiến giải sâu sắc. Việc lấy hình thức vật chất để đảm bảo xã hội thông qua “xã thương pháp” là cái có địa vị quan trọng trong lịch sử Trung Quốc cổ đại. □

Người dịch: TS. CHU VĂN TUẤN  
(Viện Khoa học xã hội Việt Nam)

(11) Chu Hy. *Sdd.*, tr.3779.

(12) Chu Hy. *Sdd.*, t.20, tr.787.